

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 4354/KCNĐN-MT ngày 13/12/2022 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam tại văn bản số 01-GPMT-SY đề ngày 03/4/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng PVC bọc thực phẩm với công suất 5.400 tấn sản phẩm/năm” tại lô M, KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng PVC bọc thực phẩm với công suất 5.400 tấn sản phẩm/năm” tại lô M, KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất các sản phẩm màng PVC bọc thực phẩm với công suất 5.400 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô M, KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 3603600958, đăng ký lần đầu ngày 16/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04/01/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư, mã số cơ sở: 6529307922 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/10/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 25/5/2020.

1.4. Mã số thuế: 3603600958.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm màng PVC bọc thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của cơ sở 10.080 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: sản xuất các sản phẩm màng PVC bọc thực phẩm với công suất 5.400 tấn sản phẩm/năm.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam:

1. Công ty có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16 tháng 6 năm 2023 đến ngày 16 tháng 6 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./~

**Noi nhận:**

- Công ty TNHH Samyoung Chemical Việt Nam (thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (Tuyet)

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Dương Thị Xuân Nương**





## PHỤ LỤC 1

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-KCNĐN ngày 16 /6 /2023  
 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

Các nguồn nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh hàng ngày của cán bộ công nhân viên nhà máy. Lưu lượng tối đa dự kiến 06 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nguồn 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình giải nhiệt, làm mát là 05 m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước thải này được dẫn chảy về hố ga lăng cặn, tại đây chất rắn lơ lửng có trong nước thải sẽ được lắng đọng tối đa, phần nước trong sẽ chảy vào hệ thống thoát nước thải chung của nhà máy.

+ Nguồn 3: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh nhà xưởng là 01 m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước thải này được lắng cặn bằng hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải chung của nhà máy.

+ Nguồn 4: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải 05 m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước thải này định kỳ 3 tháng/lần sẽ được chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

#### 2. Dòng nước thải đấu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đấu nối nước thải với KCN:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý cục bộ, công suất thiết kế 08 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, được thu gom chung vào hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn tại 01 điểm nằm trên đường số N5. Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển VRG Long Thành (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) về việc thỏa thuận đấu nối nước thải.

##### 2.2. Vị trí đấu nối nước thải:

- Vị trí: 01 hố ga trên đường số N5.

- Tọa độ vị trí: X = 1192728; Y = 417088 (*theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 175°45', mũi chiếu 3°*).

2.3. Lưu lượng đấu nối nước thải lớn nhất: 12 m<sup>3</sup>/ngày.

- Phương thức đấu nối thải: Tự chảy (24/24 giờ) khi có phát sinh.

- Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: các chất ô nhiễm trong nước thải của Cơ sở (trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN) phải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn (Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển VRG Long Thành) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 259/2019/XLNT-QLKT ngày 25/09/2019.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ nhà máy, chủ yếu là nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D250 về các hố ga có lối lọc và chảy về hố bơm với tổng chiều dài khoảng 54m. Từ hố bơm, nước thải sinh hoạt được bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy, công suất thiết kế 08 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về 1 hố ga chính trước khi đấu nối và hệ thống thu gom nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn. Nước thải sau đó được dẫn về nhà máy XLNT tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là suối Bung Môn.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

##### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sinh hoạt → hố thu gom → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí Anoxic → bể sinh học hiếu khí Aerotank → bể lắng sinh học → bể khử trùng → Hố thu gom nước thải tập trung của Công ty → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Lộc An – Bình Sơn.*

- Công suất thiết kế: 8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các khoang, bể xử lý; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 08 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: 03 tháng, bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

### 2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 08 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo 01 vị trí được cấp phép tại Phần A, Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các thông số ô nhiễm trong nước thải của Cơ sở (trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN) phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn (Công ty Cổ phần đầu tư và

phát triển VRG Long Thành) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 259/2019/XLNT-QLKT ngày 25/09/2019.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn nhận của trạm xử lý nước thải tập trung KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN, không được xả thải trực tiếp ra môi trường

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## PHỤ LỤC 2

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT - KCNĐN ngày 16/6 / 2023  
 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn 1: Ô nhiễm khí thải từ quá trình đùn, ép nhựa  $\Rightarrow$  3 MC

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

##### 2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải số 01: 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/giờ, chiều cao 05 mét, đường kính miệng ống thải D = Ø1.200mm. Tọa độ vị trí ống thải: X = 1192725; Y = 417085 (theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trục 107°45', mũi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả thải liên tục khi phát sinh.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K<sub>v</sub> = 1,0; K<sub>p</sub> = 1,0 và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K <sub>p</sub> =1,0 và K <sub>v</sub> =1,0	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc liên tục, tự động
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	-		
4	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50	-		
5	Vinychlorua	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20		

#### Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K<sub>v</sub> = 1,0 và K<sub>p</sub> = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K<sub>v</sub> = 1,0 và K<sub>p</sub> theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

### B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

### 1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

Nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø1.200 mm, bằng thép về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải → chụp hút → quạt hút → tháp rửa khí → thải ra môi trường qua ống thải.*

- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên sursa chua, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải. Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tiến hành tạm dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, bắt đầu kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sản xuất, lưu lượng 18.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm chính: Lưu lượng, bụi, CO, HCl, Vinylchlorua.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $K_v = 1,0$ ;  $K_p = 1,0$  và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT (cụ thể các thông số ô nhiễm theo mục 2 phần A Phụ lục này).

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT -KCNĐN ngày 16/6 / 2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy trộn.
- Nguồn số 02: Từ khu vực máy đùn ép nhựa.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

+ Nguồn số 1: từ khu vực máy trộn. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $175^{\circ}45'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$ ): X = 119806; Y = 417063.

+ Nguồn số 2: Từ khu vực máy đùn ép nhựa. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $175^{\circ}45'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$ ): X = 119815; Y = 417078.

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{aeq}$ ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

**4. Độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo

dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

### PHỤ LỤC 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT - KCNĐN ngày 16/6 / 2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh dự kiến: 17.590 (kg/năm).

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	240	NH
2	Dầu động cơ, hộp số, và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	240	NH
3	Bao bì cứng thải băng kim loại	18 01 02	Rắn	6.000	KS
4	Bao bì cứng thải băng nhựa	18 01 03	Rắn	5.400	KS
5	Giẻ lau, bao tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	600	KS
6	Hóa chất, hỗn hợp hóa chất thải	19 05 02	Rắn/Lỏng	600	KS
7	Dung dịch thải từ quá trình xử lý khí thải	12 01 02	Lỏng	4.500	NH
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	10	KS
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.590</b>	

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 58.032 kg/năm

STT	Nguồn phát sinh	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Phế phẩm không thể tái chế	12 08 05	Rắn	49.080	TT-R
2	Giấy từ khu vực văn phòng, bìa đóng gói dư thừa	12 08 03	Rắn	5.640	TT-R
3	Bùn thải từ bể tự hoại	12 05 07	Bùn	1.908	TT
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (Bùn sinh học)	12 06 10	Bùn	1.404	TT
<b>Tổng cộng</b>				<b>58.032</b>	



### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 22.680 kg/năm

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	22.680
	<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>	<b>22.680</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

#### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 25 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng kiên cố bằng gạch và bê tông cốt thép, có mái che, nền cao ráo, kho được xây dựng ngăn cách bằng tường bê tông với các khu vực khác, theo đúng quy định. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

#### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 17,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 7,5 m<sup>2</sup>.

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 240 lít đặt tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt tập trung tại khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ÚNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

### 1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

## **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.



## PHỤ LỤC 4

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT - KCNĐN ngày 16/6 / 2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Không.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty

cổ phần Đầu tư và phát triển VRG Long Thành, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**



